

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÚK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 21/5/2024.

*“V/v Tranh chấp lời đi chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hữu Vinh.

2. Ông Y Mung Niê.

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc; *“Tranh chấp lời đi chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-DS ngày 09/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1969; bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1973 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H (văn bản ủy quyền ngày 05/11/2022) – có mặt.

Địa chỉ: Số ..... đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn N, ông Trần Quốc D, sinh năm 1983; bà Nguyễn Thị Mông Th, sinh năm 1983 – ông D có mặt, ông N, bà Th vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huy H trình bày:*

Vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu T là chủ sử dụng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 769229, thửa đất số 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 2555,0m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp ngày 22/01/2013 đứng tên Trần Văn Đ, Nguyễn Thị Thu T.

Theo sơ đồ đất được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất của ông Đ, bà T có một con đường đi (đây là con đường đi chung của nhiều hộ gia đình khác ở khu vực lân cận, con đường này dùng để đi lại vào rẫy tưới tiêu và lưu thông đi qua các rẫy khác phía trong suối). Con đường đi có tứ cạnh:

Phía Đông giáp đường nhựa, cạnh dài 02m;

Phía Tây giáp suối, cạnh dài 02m;

Phía Nam giáp đất của vợ chồng ông Đ, bà T, cạnh dài 140m;

Phía Bắc giáp đất gia đình bà Nguyễn Thị V, cạnh dài 140.

Gia đình bà Nguyễn Thị V là chủ sở hữu đối với lô đất liền kề, năm 2014 bà V đã giao 01 phần lô đất của vợ chồng bà cho vợ chồng ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị Mộng Th quản lý, sử dụng, hiện nay vợ chồng ông D, bà Th đã làm nhà ở ổn định. Trong quá trình canh tác hộ ông D đã tự ý rào chắn con đường đi chung không cho gia đình ông Đ, bà T và các hộ gia đình khác đi lại trên con đường này, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đ, bà T.

Xét thấy việc làm của bà V và vợ chồng ông D, bà Th là xem thường pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đ, bà T cũng như nhiều hộ dân khác. Bà V, ông D, bà Th cố tình trồng cây, rào đường tranh chấp con đường đi chung này. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vợ chồng ông Đ, bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà V, vợ chồng ông D, bà Th phải trả lại hiện trạng con đường như ban đầu, trả lại con đường đi chung cho gia đình ông Đ, bà T và nhiều hộ dân khác.

*Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Gia đình bà V là chủ sử dụng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7, diện tích 5869m<sup>2</sup>, do Sở địa chính tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 30/12/1995 cho hộ bà Nguyễn Thị V; địa chỉ thửa đất thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đất gia đình bà V sử dụng với diện tích đất của ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu T có một con đường đi chung, giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện con đường đi chung là 2m từ đường công cộng đi xuống suối. Khoảng 8 năm trở về đây thì không có người đi con đường đó nữa, gia đình ông Đ đã trồng một số cây cau và cây trồng khác trên đường đi chung đó.

Nay ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết mở lại đường đi chung quan điểm của bà V như sau:

Diện tích đất trên đã được vợ chồng bà V cho lại các con canh tác, sử dụng nhưng chưa tách quyền sử dụng đất. Về việc mở đường đi chung bà V đồng ý mở lại con đường đi chung đã có trước đây để thuận lợi trong việc canh tác vườn cây và mọi người xung quanh có đường đi xuống suối, không đi qua lại trong vườn rẫy nhà bà V. Đề nghị Tòa án giải quyết mở lại con đường đi chung đúng với thực tế đã có dựa trên cơ sở diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho gia đình bà V và gia đình ông Đ, bà T.

*Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị Mộng Th trình bày:*

Cha mẹ chúng tôi là bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Nh là chủ sử dụng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7, diện tích 5869m<sup>2</sup>, do Sở Địa chính tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 30/12/1995 cho hộ bà Nguyễn Thị V, địa chỉ thửa đất thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đất của cha mẹ tôi và diện tích đất của ông Trần Văn Đ có một con đường đi chung, giấy CNQSDĐ có thể hiện con đường đi chung là 02m từ đường công cộng đi xuống suối. Từ khoảng 08 năm trở về đây thì không có người đi con đường đó nữa, gia đình ông Đ đã trồng một số cây cau và cây trồng khác trên con đường đi chung đó.

Trong diện tích đất trên cha mẹ tôi đã cho vợ chồng tôi một phần diện tích đất để sử dụng và canh tác, tuy nhiên chúng tôi chưa tách quyền sử dụng đất. Vào khoảng tháng 6/2022 vợ chồng tôi có gọi công dọn dẹp con đường đi chung đó thì ông Đ, bà T đã trồng cau, cà phê và sầu riêng trên con đường đi chung đó. Ông Trần Quốc D đã yêu cầu ông Đ nhiều lần không được trồng cây trên lối đi mà vợ chồng ông Đ vẫn cố tình trồng cây mà còn thách đó. Ông Trần Quốc D có lấy kẽm gai rào thẳng lối đi tạm thời, hiện tại trên con đường này ông Đ đã trồng rất nhiều cây không còn lối đi xuống nữa.

Nay ông Đ, bà T khởi kiện cha mẹ tôi là bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn N và vợ chồng tôi yêu cầu chúng tôi phải mở lại đường đi chung. Quan điểm của chúng tôi như sau: Chúng tôi đồng ý mở lại con đường đi chung vì đường đi chung đã có từ trước. Đề nghị Tòa án giải quyết mở lại con đường đi chung đúng với thực tế đã có trên giấy CNQSDĐ đã cấp cho cha mẹ tôi là bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn N và gia đình ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 73 và Điều 234 BLTTDS.

Về giải quyết nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều thừa nhận có con đường đi chung rộng 02m ở giữa hai thửa đất của gia đình ông Đ, bà T và gia đình ông N, bà V. Tuy nhiên khoảng 08 năm trở lại đây không ai sử dụng con đường đi chung này và hai bên gia đình có trồng một số cây trên đường đi chung, rào chắn lại đường đi chung, dẫn đến hiện trạng đường đi chung không còn. Quá trình tham gia tố tụng các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án giải quyết mở lại con đường đi chung có chiều rộng 02m, chiều dài 140m (kéo dài từ đường công cộng xuống đến suối), theo đúng như giấy CNQSDĐ đã cấp cho các bên. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bên đương sự phải mở lại lối đi chung có

chiều rộng 02m, chiều dài 140m như trong giấy CNQSDĐ đã cấp cho các hộ gia đình theo kết quả đo đạc của Công ty cổ phần đo đạc D thực hiện vào tháng 3/2023.

Về án phí và chi phí tố tụng khác các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại Điều 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là loại việc tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 BLTTDS và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3]. Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng: Nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị V phải mở đường đi chung có diện tích 280m<sup>2</sup>, con đường đi có tứ cạnh:

Phía Đông giáp đường nhựa, cạnh dài 02m;

Phía Tây giáp suối, cạnh dài 02m;

Phía Nam giáp đất của vợ chồng ông Đ, bà T, cạnh dài 140m;

Phía Bắc giáp đất gia đình bà Nguyễn Thị V, cạnh dài 140.

Về phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị Mộng Th thừa nhận có đường đi chung rộng 02m, dài 140 từ đường công cộng đến giáp suối, tuy nhiên đường đi chung đã không sử dụng từ khoảng 08 năm trở về đây, trên đường đi chung gia đình ông Đ đã trồng cây cau và một số loại cây khác. Do gia đình ông Đ trồng cây lên đường đi chung nên ông Trần Quốc D đã rào lại đường đi chung dẫn đến hiện trạng đường đi chung hiện nay không còn. Bà V, ông D, bà Th đồng ý mở lại đường đi chung, đề nghị Tòa án mở lại đường đi chung đúng theo diện tích, hiện trạng thể hiện trong giấy CNQSDĐ đã được cấp cho các hộ gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu T là chủ sử dụng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 769229, thửa đất số 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 2555,0m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bà Nguyễn Thị V là chủ sử dụng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7, diện tích 5869m<sup>2</sup>, do Sở địa chính tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 30/12/1995 cho hộ bà Nguyễn Thị V; địa chỉ thửa đất thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tại các giấy CNQSDĐ nói trên đều thể hiện có đường đi chung với diện tích chiều rộng 02m, chiều dài hết đất từ đường công cộng xuống đến suối. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận trước đây có đường đi chung rộng 02m như trong giấy CNQSDĐ đã cấp. Tuy nhiên do thời gian đã lâu (khoảng 08 năm) không có người đi trên đường đi chung này nên gia đình ông Đ, bà T có trồng một số cây cau trên đường đi chung (phía giáp với đường công cộng), ông Trần Quốc D có dịch chuyển hàng rào để rào lại lối đi

dẫn đến hiện trạng đường đi chung không còn. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk thể hiện: Tại diện tích 02m đường đi chung do các đương sự chỉ dẫn ghi nhận 03 cây cau trồng năm thứ 5 cạnh phía Đ giáp đường nhựa; 01 hàng rào kẽm gai (có 04 dây kẽm gai) dài 120m, 33 trụ bê tông làm hàng rào cao 1,5m (hàng rào kẽm gai và trụ bê tông do ông Trần Quốc D làm) kéo dài từ cạnh phía Đông đến cạnh phía Tây; 20m hàng rào lưới B40 cao 1,5m, có 05 trụ bê tông làm hàng rào cao 1,5m (hàng rào lưới B40 do gia đình ông Đ làm) nối liền hàng rào kẽm gai đến giáp suối. *(Thời điểm xét xử gia đình ông Đ, bà T đã nhổ bỏ 03 cây cau trồng trên 02m đường đi chung).*

Do hiện trạng đường đi chung không còn và giữa gia đình ông Đ, bà T và gia đình bà V không xác định được mốc giới đường đi chung nên các bên yêu cầu Tòa án mở lại đường đi chung thể hiện trên giấy CNQSDĐ đã cấp cho các hộ gia đình. Xét yêu cầu mở lại đường đi chung của các bên đương sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận. Buộc ông Đ, bà T; gia đình bà V, ông D, bà Th phải mở lại đường đi chung có diện tích 280m<sup>2</sup>, con đường đi có tứ cạnh:

Phía Đ giáp đường nhựa, cạnh dài 02m; (lấy mốc số 4 là mép trụ bê tông cổng nhà ông Đ, bà T, kéo dài về phía Nam giáp đất gia đình ông Nguyễn Chí L cạnh dài 16,5m) kéo dài 02m về phía Bắc giáp đất của gia đình bà V;

Lấy mốc số 14 là cọc bê tông (kéo dài về phía Đông mốc số 4 cạnh dài là 74,9m, kéo dài về phía Tây giáp mốc số 9, cạnh dài 65,3m, kéo dài về phía Nam giáp đất gia đình ông Nguyễn Chí L cạnh dài 19,8m) kéo dài 02m về phía Bắc giáp đất của gia đình bà V.

Phía Tây giáp suối, cạnh dài 02m; (lấy mốc số 9 là mép hàng rào lưới B40 của gia đình ông Đ, bà Thúy kéo dài đến cạnh phía Nam giáp đất của gia đình ông Nguyễn Chí L cạnh dài 22m) kéo dài 02m về phía Bắc giáp đất của gia đình bà V);

Phía Nam giáp đất của vợ chồng ông Đ, bà T, cạnh dài 140m;

Phía Bắc giáp đất gia đình bà Nguyễn Thị V, cạnh dài 140.

*(Theo kết quả đo đạc của Công ty cổ phần đo đạc D thực hiện vào tháng 3/2023, có sơ đồ kèm theo).*

Ông Đ, bà T có trách nhiệm di dời 20m hàng rào lưới B40 cao 1,5m, có 05 trụ bê tông làm hàng rào cao 1,5m (do gia đình ông Đ, bà T làm); gia đình bà V, ông D, bà Th có trách nhiệm di dời 01 hàng rào kẽm gai (có 04 dây kẽm gai) dài 120m, 33 trụ bê tông làm hàng rào cao 1,5m (hàng rào kẽm gai và trụ bê tông do ông Trần Quốc D làm) theo đúng vị trí mốc giới đường đi chung.

Các tài sản, cây trồng, vật kiến trúc trên đất (nếu có) theo mốc giới đường đi chung các bên đương sự tự di dời, tháo dỡ trong giai đoạn thi hành án.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.500.000 đồng. Do các bên đương sự đều có lỗi trong việc làm mất hiện trạng đường đi chung nên mỗi bên phải chịu 50% chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Ông Đông, bà Thúy đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án nên buộc bà Vinh phải hoàn trả lại số tiền 4.750.000 đồng cho ông Đ, bà T.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST không có giá ngạch, hoàn trả lại cho ông Đ, bà T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0020784 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Krông Búk. Bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí DSST không có giá ngạch là phù hợp với khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Áp dụng: Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, 169 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**[1].** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu T; gia đình bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn N, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị Mộng Th phải mở lại đường đi chung có diện tích 280m<sup>2</sup>, con đường đi có tứ cạnh:

Phía Đông giáp đường nhựa, cạnh dài 02m; (lấy mốc số 4 là mép trụ bê tông công nhà ông Đ, bà T, kéo dài về phía Nam giáp đất gia đình ông Nguyễn Chí L cạnh dài 16,5m) kéo dài 02m về phía Bắc giáp đất của gia đình bà V;

Lấy mốc số 14 là cọc bê tông (kéo dài về phía Đông mốc số 4 cạnh dài là 74,9m, kéo dài về phía Tây mốc số 9, cạnh dài 65,3m, kéo dài về phía Nam giáp đất gia đình ông Nguyễn Chí L cạnh dài 19,8m) kéo dài 02m về phía Bắc giáp đất của gia đình bà V.

Phía Tây giáp suối, cạnh dài 02m; (lấy mốc số 9 là mép hàng rào lưới B40 của gia đình ông Đ, bà T kéo dài đến cạnh phía Nam giáp đất của gia đình ông Nguyễn Chí L cạnh dài 22m) kéo dài 02m về phía Bắc giáp đất của gia đình bà V;

Phía Nam giáp đất của vợ chồng ông Đ, bà T, cạnh dài 140m;

Phía Bắc giáp đất gia đình bà Nguyễn Thị V, cạnh dài 140.

*(Theo kết quả đo đạc của Công ty cổ phần đo đạc D thực hiện vào tháng 3/2023, có sơ đồ kèm theo).*

Ông Đ, bà T có trách nhiệm di dời 20m hàng rào lưới B40 cao 1,5m, có 05 trụ bê tông làm hàng rào cao 1,5m (do gia đình ông Đ, bà T làm); gia đình bà V, ông D, bà Th có trách nhiệm di dời 01 hàng rào kẽm gai (có 04 dây kẽm gai) dài 120m, 33 trụ bê tông làm hàng rào cao 1,5m (hàng rào kẽm gai và trụ bê tông do ông Trần Quốc D làm) theo đúng vị trí mốc giới đường đi chung.

Các tài sản, cây trồng, vật kiến trúc trên đất (nếu có) các bên đương sự tự di dời, tháo dỡ trong giai đoạn thi hành án.

**[2].** Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.500.000 đồng. Do các bên đương sự đều có lỗi trong việc làm mất hiện trạng đường đi chung nên mỗi bên phải chịu 50% chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Ông Đ, bà T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án nên buộc bà V phải hoàn trả lại số tiền 4.750.000 đồng cho ông Đ, bà T trong giai đoạn thi hành án.

[3]. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí DSST không có giá ngạch. Hoàn trả cho ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0020784 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Lê Anh Thái**